TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 204/2025/HC-PT
Ngày: 17/4/2025
"V/v khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng;
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tào;
Bà Phan Thị Vân Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Ngô Ý Nhi, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 465/2024/TLPT-HC ngày 02 tháng 12 năm 2024 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2024/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 888/2025/QĐ-PT ngày 01 tháng 4 năm 2025; giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Cao Văn D, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Quyết Q, Luật sư Công ty L; địa chỉ: 1 N, P.17, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q; vắng mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Quảng Trị; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Quảng Trị; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phan Ngọc T, chức vụ: Công chức địa chính, xây dựng; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Khắc C và bà Nguyễn Thị V; địa chỉ: Đ, thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị; đều có mặt.

3. Ông Nguyễn Xuân Đ và bà Hồ Thị H; địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị; đều có mặt.

4. Ông Thái Văn D1 (có mặt) và bà Nguyễn Thị D2 (vắng mặt); địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị.

5. Ông Nguyễn Văn P (có mặt) và bà Nguyễn Thị Thu H1 (vắng mặt); địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị.

6. Ông Tạ Văn N; địa chỉ: Xóm E, thôn L, xã L, huyện T, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt.

- Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Cao Văn D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của Toà án cấp sơ thẩm, nội dung kháng cáo như sau:

- Người khởi kiện ông Cao Văn D trình bày:

Hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng và Nhà nước chung tay góp sức xây dựng lại quê hương sau chiến tranh và việc di giản dân; ngày 25/10/1996, ông Cao Văn D là chủ hộ gia đình đã làm đơn giản dân lên sản xuất vùng kinh tế mới Bắc sông B và được Ban Q (UBND) xã V xác nhận đồng ý. Đồng thời, cùng này ông làm đơn xin đất để để ổn định sản xuất, phần đất ông xin là vùng đất Khe Cát, có diện tích từ 6 – 7 ha, kể cả choi (phần ruộng làm lúa), đây là một phần đất trước đây ông Tạ Văn N được giao (ông N trước đây xin giao khoảng hơn 15 ha) nhưng chưa sử dụng hết, đơn xin giao đất của ông được Ban quản lý dự án và UBND xã V chấp nhận và ông đã nhận đất để quản lý, sử dụng từ đó đến nay.

Năm 2002, phần đất này thuộc các thửa 99, 100, 102, 103, 104, 105, 106, 107, 108, 109, 110, 111, 112, 113, 114, 116, tổng diện tích đo đạc được là 81.283m^2, ông đã đăng ký kê khai để xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) và được UBND xã V xác nhận nhưng ông chỉ được UBND huyện V cấp GCNQSDĐ cho 03 thửa đất gồm 99, 100, 102, có tổng diện tích 46.538m^2 theo GCNQSDĐ số X 434038 ngày 14/7/2003 nhưng sau đó đã bị thu hồi, hủy bỏ theo Quyết định số 2828/QĐ-UBND ngày 09/10/2018. Đến nay, toàn bộ các thửa đất nêu trên ông chưa được cấp GCNQSDĐ.

Ngày 29/11/1996, ông nhận chuyển nhượng thêm của ông Tạ Văn N toàn bộ quyền sử dụng đất đã được Chủ tịch UBND huyện V cấp GCNQSDĐ số C 0970044, tổng diện tích 105.390m^2 tại 02 thửa, gồm: Thửa 208 (có 400m^2 đất ở và 26.825m^2 đất vườn), tờ bản đồ số 5 (viết tắt là Thửa 208) và thửa 164, tờ bản đồ số 8, có diện tích 78.165m^2, loại đất vườn (viết tắt là Thửa 164). Hợp đồng chuyển nhượng giữa ông và ông Tạ Văn N được viết tay nhưng có xác nhận của Chủ tịch UBND xã V. Phần đất này, ông cũng đã làm đơn xin cấp GCNQSDĐ nhưng vẫn chưa được cấp GCNQSDĐ, mặc dù ông đã làm đầy đủ các thủ tục theo yêu cầu của UBND xã V nhưng Văn phòng đăng ký đất đai huyện V vẫn không đồng ý.

Đối với phần đất thuộc Thửa 164 thì vào năm 1998 lợi dụng việc ông đang chăm bố ở Bệnh viện T2, ông Nguyễn Khắc C đã cho máy múc lấn chiếm, ông có trình báo sự việc lên UBND xã V nhưng không được can thiệp giải quyết, trong quá trình sử dụng thì ông Nguyễn Khắc C tiếp tục lấn chiếm nhiều lần và đến nay đã lấn chiếm gần hết toàn bộ Thửa 164. Ông được biết phần đất Thửa 164 đã được UBND huyện V xét cấp cho hộ ông Nguyễn Khắc C (nay thuộc thửa 95 và thửa 87); đối với phần đất thuộc Thửa 208 UBND huyện V đã cấp GCNQSDĐ cho các hộ Nguyễn Xuân Đ (1,2 ha), Nguyễn Văn P (0,7 ha), Thái Văn D1 (khoảng 01 ha).

Ông đã làm đơn khiếu nại yêu cầu: UBND huyện V cấp GCNQSDĐ cho ông đối với các thửa đất 99, 100, 102, 103, 104, 105, 106, 107, 108, 109, 110, 111, 112, 113, 114, 116. Yêu cầu UBND huyện V thu hồi, hủy bỏ các GCNQSDĐ đã cấp cho các hộ khác chồng lấn lên đất của ông gồm: Một phần thửa đất số 87, tờ bản đồ số 48, tại GCNQSDĐ số X 434035 (viết tắt là Thửa 87) và một phần thửa đất số 95, tờ bản đồ số 48, tại GCNQSD đất số X 636721 (viết tắt là Thửa 95) cấp cho hộ ông Nguyễn Khắc C. Một phần thửa đất số 118, tờ bản đồ số 48 (phần lấn khoảng 1,2ha), tại GCNQSDĐ số X 626728 cấp cho hộ ông Nguyễn Xuân Đ. Một phần thửa đất số 117 và thửa 122, cùng thuộc tờ bản đồ số 48 (phần lấn chiếm khoảng 1ha). GCNQSD đất số X 626724 cấp cho hộ ông Thái Văn D1. GCNQSDĐ số AC 713927 cấp cho hộ ông Nguyễn Văn P, tại thửa đất số 125, diện tích 11.029m². GCNQSD đất số AC 713928 cấp cho hộ ông Nguyễn Văn P, tại thửa đất số 20, diện tích 12.914m² (được cấp đổi từ GCNQSD đất số AC 700888; phần lấn chiếm khoảng 0,7ha). Yêu cầu UBND huyện V phải giải quyết cho ông được đăng ký biến động (cấp giấy mới) phần đất 105.390m², gồm Thửa 164 và Thửa 208 mà ông đã nhận chuyển nhượng từ ông Tạ Văn N theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 29/11/1996. Yêu cầu xem xét, xử lý kỷ luật đối với những hành vi sai trái của cán bộ địa chính xã V và Chủ tịch UBND xã V trong các sai phạm liên quan đến việc cấp giấy đối với các hộ trên.

Ngày 25/04/2022, ông nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại số 629/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện V (viết tắt là Quyết định 629); không đồng ý với quyết định này nên ông tiếp tục khiếu nại và ngày 29/11/2023 ông nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại số 2849/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Q (viết tắt là Quyết định 2849), có nội dung giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện V.

Không đồng ý với các quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên, nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Hủy Quyết định số 2849/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại của ông Cao Văn D (lần hai).

2. Hủy Quyết định số 629/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của Chủ tịch UBND huyện V, tỉnh Quảng Trị về việc giải quyết khiếu nại của ông Cao Văn D (lần đầu).

3. Buộc UBND huyện V phải xem xét, giải quyết cho ông Cao Văn D được cấp GCNQSDĐ đối với các thửa đất 99, 100, 102, 103, 104, 105, 106, 107, 108, 109, 110, 111, 112, 113, 114, 116, tờ bản đồ địa chính số 48, tại xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị (16 thửa).

4. Buộc UBND huyện V thu hồi, hủy bỏ các GCNQSDĐ đã cấp cho hộ ông Nguyễn Khắc C chồng lấn lên Thửa 164 mà ông Cao Văn D đã nhận chuyển nhượng từ ông Tạ Văn N, cụ thể: Thu hồi, hủy bỏ một phần đất thuộc thửa đất số 87, tờ bản đồ số 48, diện tích 12.855m² đã được UBND huyện V cấp GCNQSDĐ số X 434035 cho ông Nguyễn Khắc C và bà Nguyễn Thị V theo Quyết định cấp GCNQSDĐ số 2314/QĐ-UB ngày 14/7/2003 của UBND huyện V; thu hồi, hủy bỏ một phần quyền sử dụng đất thuộc thửa 95, tờ bản đồ số 48, diện tích 53.646m², đã được UBND huyện V cấp GCNQSDĐ số X 636721 cho ông Nguyễn Khắc C và bà Nguyễn Thị V theo Quyết định cấp GCNQSDĐ số 1016/QĐ-UB ngày 03/06/2003 của UBND huyện V.

5. Buộc UBND huyện V xem xét thu hồi, hủy bỏ các GCNQSDĐ đã cấp cho hộ ông Nguyễn Xuân Đ, Thái Văn D1, Nguyễn Văn P chồng lấn lên phần đất mà ông Cao Văn D đã nhận chuyển nhượng từ ông Tạ Văn N (phần đất đã được cấp GCNQSDĐ), cụ thể:

+ Hộ ông Nguyễn Xuân Đ: Yêu cầu thu hồi, hủy bỏ GCNQSDĐ số X 626728 do UBND huyện V cấp cho ông Nguyễn Xuân Đ và bà Hồ Thị H, theo Quyết định số 1016/QĐ-UB ngày 03/06/2006, thửa đất số 118, tờ bản đồ số 48, diện tích 84.412m² (phần đất lấn chiếm khoảng 1.2ha).

+ Hộ ông Thái Văn D1: Yêu cầu thu hồi, hủy bỏ GCNQSDĐ số X 626724 do UBND huyện V cấp cho ông Thái Văn D1 và bà Nguyễn Thị D2, theo Quyết định số 1016/QĐ-UB ngày 03/06/2006, thửa đất số 117, diện tích 26.067m^2 và thửa 122, diện tích 7.533m^2, cùng thuộc tờ bản đồ số 48 (phần đất lấn chiếm khoảng 01ha).

+ Hộ ông Nguyễn Văn P: Yêu cầu thu hồi, hủy bỏ GCNQSDĐ số AC 713927 do UBND huyện V cấp cho ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị Thu H2 ngày 19/10/2006, thửa đất số 125, diện tích 11.029m² (được cấp đổi từ GCNQSDĐ số AC 700887 do UBND huyện V cấp ngày 28/12/2005); thu hồi, hủy bỏ GCNQSDĐ số AC 713928 do UBND huyện V cấp cho ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị Thu H2 ngày 19/10/2006, thửa đất số 20 diện tích 12.914m² (được cấp đổi từ GCNQSDĐ số AC 700888 do UBND huyện V cấp ngày 28/12/2005, trong 02 thửa đất của hộ ông P đã lấn chiếm khoảng 0,7ha).

6. Buộc UBND huyện V phải giải quyết cho ông Cao Văn D được đăng ký biến động (cấp GCNQSDĐ mới) phần đất 105.390m², gồm Thửa 164 và Thửa 208 mà ông Cao Văn D đã nhận chuyển nhượng từ ông Tạ Văn N theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 29/11/1996.

7. Buộc UBND huyện V phải xử lý kỷ luật đối với những hành vi sai trái của cán bộ địa chính xã V và Chủ tịch UBND xã V trong các sai phạm liên quan đến việc cấp giấy đối với các hộ trên.

- Người bị kiện UBND huyện V trình bày:

Ngày 01/3/2021, ông Cao Văn D có đơn khiếu nại về việc cấp GCNQSDĐ với các nội dung: Khiếu nại việc UBND huyện V không cấp GCNQSDĐ của 16 thửa, gồm thửa: 99, 100, 102, 103, 104, 105, 106, 107, 108, 109, 110, 111, 112, 113, 114, 116, diện tích khoảng 81.283 m². Khiếu nại UBND huyện V không tiến hành cấp GCNQSD đất đối với diện tích 105.390 m² do năm 1996 gia đình ông Cao Văn D nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của GCNQSDĐ số C 0970044 cấp cho ông Tạ Văn N, mà lấy đất này cấp GCNQSDĐ cho 04 cá nhân khác (ông Nguyễn Khắc C, ông Nguyễn Xuân Đ, ông Nguyễn Văn P, ông Thái Văn D1). Ngày 14/02/2022, Chủ tịch UBND huyện V ban hành Quyết định số 217/QĐ-UBND về xác minh nội dung khiếu nại. Ngày 30/3/2022, Chủ tịch UBND huyện V ban hành Quyết định 629 về việc giải quyết khiếu nại của ông Cao Văn D (lần đầu). Ông Cao Văn D tiếp tục khiếu nại và đã được Chủ tịch UBND tỉnh Q giải quyết lần hai tại Quyết định 2849 với nội dung: Công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số 629. Như vậy, nội dung khiếu nại của ông Cao Văn D đã được UBND huyện V và UBND tỉnh Q giải quyết theo đúng quy định nên không đồng ý các yêu cầu khởi kiện của ông Cao Văn D và đề nghị Tòa án bác các yêu cầu khởi kiện của ông Cao Văn D.

Đối với hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho ông Tạ Văn N hiện nay đã thất lạc và không còn lưu trữ tại Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện V.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Khắc C trình bày:

Năm 1985 - 1986, Nhà nước có chủ trương chuyển đổi thực hiện quyền sử dụng đất, mọi người dân được lên vùng gò đồi khai hoang, phục hoá, phủ xanh đất trống đồi núi trọc; gia đình ông đã lên vùng đồi Cồn D3 và Choi M làm ruộng và trồng cây hoa màu lấy ngắn nuôi dài; sau đó ông viết đơn xin đất để phát triển cây công nghiệp dài ngày, được HTX và UBND xã xác nhận và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V xem xét thực địa, làm thủ tục trình để UBND huyện V ký quyết định cấp đất cho gia đình ông. Gia đình ông tiếp tục thuộc diện giản dân, ông tham gia vào HTX kinh tế mới và các dự án của Chính phủ; năm 1996 ông làm dự án cao su đồi Cồn Dù và dự án trồng rừng 327 (muồng và keo xen kẻ) thuộc Choi M và ông đã phát, đốt, thuê máy bao quanh đất để bảo vệ vùng đất được cấp. Lúc này ông Tạ Văn N thuộc diện di dân đi vùng kinh tế mới, được dự án cấp đất, đã làm nhà ở trên đất được cấp một thời gian sau đó ra vùng đất của ông được cấp (vùng đất này đã có con đường làm ranh giới giữa vùng đất dự án kinh tế mới và đất thuộc UBND xã V quản lý), lúc

này ông đưa giấy tờ đã được cấp tới thì ông Tạ Văn N xin và nói "chỉ cho ông làm mảnh ruộng để sinh sống trước mắt, lúc nào ông lấy thì ông Tạ Văn N giao lại" nên ông đồng ý. Quá trình sử dụng đất ông Tạ Văn N xin cấp sổ đỏ lúc nào thì ông không biết, khi không ở nữa thì ông Tạ Văn N cho hay bán cho ai thì ông không biết. Khi ông Cao Văn D lên làm thì ông mới biết, lúc này ông Tạ Văn N đã đi vào N và ở đâu không rõ. Quá trình ông Cao Văn D làm đơn kiện tại UBND xã thì ông mới biết ông Tạ Văn N đã được cấp GCNQSDĐ và thời gian cấp đất sau ông 08 ngày. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân Đ trình bày:

Năm 1993, gia đình ông cùng một số gia đình đi lập nghiệp theo Dự án B sông B (dự án 327) theo chủ trương của Đảng, Nhà nước. Gia đình ông trồng cây cao su ở Đồng Cây D thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị; năm 1993, trồng 0,7 ha; năm 1996 trồng 1,7 ha; năm 1998 trồng 02 ha (trồng theo dự án 327); năm 2003 trồng 04 ha theo dự án Đa dạng hoá. Khi tham gia dự án gia đình ông được dự án cho vay vốn và được cấp sổ đỏ. Đến ngày 03/06/2003, gia đình ông được UBND huyện V cấp đổi GCNQSDĐ, tổng diện tích là 84.412 m² đối với thửa số 118, tờ bản đồ số 48, mục đích sử dụng là đất trồng cây cao su, thời gian sử dụng đất đến tháng 09/2049, vị trí thửa đất: Phía Đông giáp đất ông Tạ S1 và ông Thái Văn D1, phía Tây giáp đường dây 500KV, phía Nam giáp suối, phía Bắc giáp đường cái. Năm 1994, cuộc sống vất vả khó khăn do ngoại cảnh như thú rừng phá hoại, một số hộ dân bỏ đi về quê hoặc đi nơi khác sinh sống, còn lại số hộ gia đình ở lại quá ít, trong đó có 02 hộ bỏ đi là ông Tạ Văn N và ông Lê Đức S. Lúc đó, để đảm bảo cuộc sống và ổn định cho người dân thuận tiện canh tác ông Lê Phước Đ1 tập đoàn trưởng giao đất của ông Tạ Văn N cho ông Tạ S1, còn đất của ông Lê Đức S giao cho gia đình ông canh tác. Gia đình ông đã làm hàng rào bảo vệ trâu bò và thú hoang và làm ranh giới rõ ràng. Trong quá trình trồng cao su dự án 327, 100% là vốn dự án 327 cho nên đất ông không liên quan đến đất ông Tạ Văn N như ông Cao Văn D khởi kiện. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thái Văn D1 trình bày:

Năm 1993, gia đình ông cùng với một số gia đình như ông Tô Ngọc H3, Tạ Quang S1, Nguyễn Xuân Đ đi lập nghiệp theo dự án B sông B (dự án 327) theo chủ trương của Đảng, Nhà nước. Trong thời gian đó, ông Lê Phước Đ1 làm Tập đoàn trưởng cùng các hộ gia đình nói trên đã thống nhất phân chia 01 hộ là 30m bề ngang để làm nhà, lập vườn gần khe suối thuận lợi cho việc sinh hoạt. Gia đình ông được UBND huyện V cấp GCNQSD đất số C 902968 ngày 29/9/1999 đối với thửa đất số 02, tờ bản đồ số 04, diện tích 44.450m^2. Sau đó, có 02 hộ bỏ đi là ông Tạ Văn N và ông Lê Đức S không trồng theo dự án 327. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn P trình bày:

Ông không đồng ý với nội dung đơn khởi kiện của ông Cao Văn D về việc khiếu

kiện thửa đất của ông nhận chuyển nhượng của ông Tạ Quang S1 có tranh chấp diện tích 0,7ha. Khi gia đình ông nhận chuyển nhượng lô đất cao su được trồng theo dự án 327 của ông Tạ Quang S1, diện tích 15.605m^2 tại GCNQSDĐ số 0902969 theo Quyết định số 356/QĐ-UB ngày 29/4/1993. Ông đã đến UBND xã V xác nhận thửa đất này hợp pháp, không có tranh chấp nên ông mới đồng ý làm thủ tục chuyển nhượng. Trong khi ông đang làm thủ tục để được cấp GCNQSDĐ thì có đơn khiếu kiện của ông Cao Văn D gửi đến UBND xã V với nội dung: thửa đất ông nhận chuyển nhượng của ông Tạ Quang S1 trước đây là thửa đất của ông Cao Văn D nhận chuyển nhượng của ông Tạ Văn N với diện tích 0,5ha.

Ngày 04/7/2005, UBND xã V xem xét và lập Biên bản giải quyết tranh chấp về đất theo đơn khiếu kiện của ông Cao Văn D. Trong biên bản được lập, ông Cao Văn D yêu cầu ông phải trả số tiền 700.000 *(bảy trăm nghìn)* đồng thì ông Cao Văn D sẽ nhường phần đất lại cho ông và không khiếu kiện nữa. Ông đã chấp nhận và trả số tiền theo yêu cầu của ông Cao Văn D. Sau đó, ông được UBND huyện V cấp GCNQSDĐ ngày 19/10/2006 đối với thửa đất số 125, tờ bản đồ số 48, diện tích 11.029m^2, địa chỉ thửa đất: Kinh tế mới – xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị.

- Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2024/HC-ST ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 3 và 4 Điều 32, điểm a khoản 3 Điều 116, Điều 157, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; các Điều 18, 21, 27, 28, 29, 30, 31, 36, 37, 38, 39, 40 Luật Khiếu nại; Điều 21 Luật Đất đai năm 1993; khoản 1, 2 Điều 135 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai; khoản 1 Điều 11 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp GCNQSDĐ, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai; khoản 2 Điều 82 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Cao Văn D về việc:

- Hủy Quyết định số 2849/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại của ông Cao Văn D (lần hai).

- Hủy Quyết định số 629/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của Chủ tịch UBND huyện V, tỉnh Quảng Trị về việc giải quyết khiếu nại của ông Cao Văn D (lần đầu).

- Buộc UBND huyện V phải xem xét, giải quyết cho ông Cao Văn D được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất 99, 100, 102, 103, 104, 105, 106, 107, 108, 109, 110, 111, 112, 113, 114, 116, tờ bản đồ địa chính số 48, tọa lạc tại xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị.

- Buộc UBND huyện V thu hồi, hủy bỏ các GCNQSDĐ đã cấp cho hộ ông Nguyễn Khắc C chồng lấn lên thửa 164 mà ông Cao Văn D đã nhận chuyển nhượng từ ông Tạ Văn N, cụ thể: Thu hồi, hủy bỏ một phần đất thuộc thửa đất số 87, tờ bản đồ số 48, diện tích 12.855m² đã được UBND huyện V cấp GCNQSDĐ số X 434035 cho ông Nguyễn Khắc C và bà Nguyễn Thị V theo Quyết định cấp GCNQSDĐ số 2314/QĐ-UB ngày 14/7/2003 của UBND huyện V; thu hồi, hủy bỏ một phần quyền sử dụng đất thuộc thửa 95, tờ bản đồ số 48, diện tích 53.646m², đã được UBND huyện V cấp GCNQSDĐ số X 636721 cho ông Nguyễn Khắc C và bà Nguyễn Thị V theo Quyết định cấp GCNQSDĐ số 1016/QĐ-UB ngày 03/06/2003 của UBND huyện V.

- Buộc UBND huyện V xem xét thu hồi, hủy bỏ các GCNQSDĐ đã cấp cho hộ ông Nguyễn Xuân Đ, Thái Văn D1, Nguyễn Văn P chồng lấn lên phần đất mà ông Cao Văn D đã nhận chuyển nhượng từ ông Tạ Văn N (phần đất đã được cấp giấy cho ông N, ông N chuyển nhượng lại cho ông D), cụ thể: Thu hồi, hủy bỏ GCNQSDĐ số X 626728 do UBND huyện V cấp cho ông Nguyễn Xuân Đ và bà Hồ Thị H, theo Quyết định số 1016/QĐ-UB ngày 03/06/2006, thửa đất số 118, tờ bản đồ số 48, diện tích 84.412m²; thu hồi, hủy bỏ GCNQSDĐ số X 626724 do UBND huyện V cấp cho ông Thái Văn D1 và bà Nguyễn Thị D2, theo Quyết định số 1016/QĐ-UB ngày 03/06/2006, thửa đất số 117, diện tích 26.067m^2 và thửa 122, diện tích 7533m^2, cùng thuộc tờ bản đồ số 48; thu hồi, hủy bỏ GCNQSDĐ số AC 713927 do UBND huyện V cấp cho ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị Thu H2 ngày 19/10/2006, thửa đất số 125, diện tích 11.029m² (Giấy được cấp đổi từ GCNQSDĐ số AC 700887 do UBND huyện V cấp ngày 28/12/2005); thu hồi, hủy bỏ GCNQSDĐ số AC 713928 do UBND huyện V cấp cho ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị Thu H2 ngày 19/10/2006, thửa đất số 20, diện tích 12.914m² (Giấy được cấp đổi từ GCNQSDĐ số AC 700888 do UBND huyện V cấp ngày 28/12/2005).

- Buộc UBND huyện V phải giải quyết cho ông Cao Văn D được đăng ký biến động (cấp GCNQSDĐ mới) phần đất 105.390m², gồm 02 thửa 164 và thửa 208 mà ông Cao Văn D đã nhận chuyển nhượng từ ông Tạ Văn N theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 29/11/1996.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí; chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 04/10/2024, người khởi kiện ông Cao Văn D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Người khởi kiện ông Cao Văn D giữ nguyên đơn kháng cáo; đồng thời cùng với người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp thống nhất trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định phần đất ông Cao Văn D xin được cấp và phần đất ông Cao Văn D nhận chuyển nhượng từ ông Tạ Văn N (Thửa 164) là cùng 01 phần đất là không đúng, bởi lẽ đây là 02 phần đất riêng biệt. Phần đất ông Cao Văn D xin cấp là thuộc 16 thửa đất gồm (99, 100, 102, 103, 104, 105, 106, 107, 108, 109, 110, 111, 112, 113,114,116)

các thửa đất có xen lấn giữa đất rừng và đất trồng lúa nước, đất ao hồ, là vùng thấp so với phần đất thửa 164 mà trước đây ông Tạ Văn N được cấp, vì đất cấp cho ông Tạ Văn N là đất cấp theo dự án 327, không bao gồm đất ao, đất trồng lúa. Quá trình xác minh giải quyết khiếu nại thì đoàn xác mình của tỉnh cũng đã xác định được vị trị Thửa 164 của ông Tạ Văn N có sự chồng lấn với đất của ông Nguyễn Khắc C và ông Nguyễn Khắc C cũng thừa nhận đất được cấp có chồng lấn với đất của ông Tạ Văn N. Đối với Thửa 208 ông Tạ Văn N chuyển nhượng cho ông Cao Văn D đã được thể hiện rõ trên hợp đồng giữa 02 bên, có trong hồ sơ vụ án, sau khi chuyển nhượng ông Tạ Văn N đã giao bìa đất cho ông Cao Văn D sử dụng từ năm 1996 đến nay, không có tranh chấp, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Tạ Văn N không chuyển nhượng Thửa 208 cho ông Cao Văn D là không đúng. Quyền sử dụng đất tại Thửa 164 và Thửa 208 cấp cho ông Tạ Văn N đến nay vẫn còn nguyên giá trị pháp lý, hợp đồng chuyển nhượng giữa ông Cao Văn D và ông Tạ Văn N đã được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, không ai tranh chấp và không bị tuyên vô hiệu, nhưng UBND huyện V lấy đất của ông Cao Văn D cấp cho các hộ dân khác là trái pháp luật, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Cao Văn D. Phần đất ông Cao Văn D xin được cấp theo đơn là 81.283m^2, được UBND xã V xác nhận trình cơ quan có thẩm quyền cấp nhưng UBND huyện V chỉ cấp GCNQSDĐ cho ông Cao Văn D 01 phần diện tích đất là không đúng. Toàn bộ diện tích đất được ông quản lý, sử dụng ổn định từ năm 1996 cho đến nay, được ghi nhận tại phần kết luận Quyết định số 3698/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Q. Vì vậy, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Cao Văn D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng sau khi phân tích nội dung và các tình tiết của vụ án, có quan điểm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Kháng cáo của người khởi kiện ông Cao Văn D là trong thời hạn và đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; bác kháng cáo của người khởi kiện ông Cao Văn D; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Cao Văn D là trong thời hạn quy định tại Điều 206 Luật Tố tụng hành chính và đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên kháng cáo được chấp nhận hợp lệ để xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt những người bị kiện và một số có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng trong đó có người đã có đơn xin xét xử vắng mặt, những người khác đã được triệu tập hợp lệ lần 02 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ ý kiến của các đương sự có mặt tại phiên toà, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử xét quyết định tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Bản án sơ thẩm xác định đối tượng, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án theo yêu cầu khởi kiện của ông Cao Văn D là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 3 và 4 Điều 32, khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung; xét kháng cáo của người khởi kiện ông Cao Văn D, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Đối với yêu cầu hủy Quyết định 2849 và Quyết định 629:

[2.1.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các quyết định bị kiện: Chủ tịch UBND huyện V ban hành Quyết định 2849 và Chủ tịch UBND tỉnh Q ban hành Quyết định 629 là đúng theo quy định tại các Điều 18, 21, 29, 30, 31, 38, 39, 40 Luật Khiếu nại.

[2.1.2] Về nội dung các quyết định bị kiện:

- Đối với nội dung khiếu nại UBND huyện V không cấp GCNQSDĐ của 16 thửa đất, diện tích khoảng 81.283m² ông Cao Văn D được Ban quản lý Tập đoàn và UBND xã V cấp cho ông Cao Văn D tại vùng Khe Cát vào năm 1996:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện năm 1996 ông Cao Văn D có "Đơn xin giao đất", được Tập đoàn kinh tế mới và UBND xã V xác nhận nhưng chưa có cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nào ban hành quyết định thu hồi đất của ông Tạ Văn N để cấp và bàn giao đất trên thực địa cho ông Cao Văn D theo quy định tại Điều 21 Luật Đất đai năm 1993. Năm 2002, khi thực hiện Dự án đo đạc đa dạng hóa và cấp đổi GCNQSDĐ, ông Cao Văn D đã kê khai, đăng ký cấp GCNQSDĐ đối với phần đất đang sử dụng gồm 16 thửa, diện tích 81.283m², được UBND xã V xác nhận và đến năm 2003 được UBND huyện V cấp GCNQSDĐ số X 434038 đối với 03/16 thửa đất (thửa số 99, 100, 102), với diện tích 46.538m² tại Quyết định số 2314/QĐ-UB ngày 14/7/2003. Tại Bản án hành chính số 91/2020/HC-PT ngày 26/6/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao Đà Nẵng xác định diện tích ông Cao Văn D được UBND huyện V cấp GCNQSDĐ số X 434038 (46.538 m² tại các thửa 99, 100, 102, tờ bản đồ số 48, bản đồ địa chính năm 2002 xã V) là một phần diện tích đất ông Cao Văn D nhận chuyển nhượng từ ông Tạ Văn N năm 1996. Tại Biên bản giải quyết khiếu nại đất đai ngày 01/4/2006 giữa ông Cao Văn D và ông Nguyễn Khắc C kết luận: *"Kết quả cụ thể đi theo đường N bắt đầu từ K. Chiều dài thửa đất số 164 tờ bản đồ số 108 (phía Tây Nam thửa đất) theo bản đồ và thực tế là phù hợp, có kích thước là 365m. Diện tích thửa đất thực tế đã sử dụng trồng rừng và lúa màu. Theo bản đồ đo đạc địa chính chính quy là 79.943 m². So với GCNQSD đất của ông N, diện tích thực tế thừa là 1.778 m². Trong đó: Đất rừng sản xuất là 72.550 m², Đất lúa màu là 7.393 m² (Hiện*

tại ông Cao Văn D đang sử dụng theo GCNQSD đất của ông N). Hai bên thống nhất theo ranh giới thực tế hai gia đình đang quản lý và sử dụng như quy chủ trong bản đồ địa chính chính quy lập năm 2003. Đồng thời đề nghị ông Cao Văn D làm các thủ tục để được cấp GCNQSD đất do nhận CNQSD đất của ông Tạ Văn N"; ông Cao Văn D ký vào biên bản và có ý kiến: *"Tôi nhất trí như biên bản giải quyết, kể từ nay không khiếu kiện nữa".*

Như vậy, ngoài diện tích đất tại Thửa 164 nhận chuyển nhượng từ ông Tạ Văn N thì không có cơ sở xác định ông Cao Văn D còn được Tập đoàn kinh tế mới và UBND xã V giao đất theo đơn xin đất năm 1996. Thửa đất 164 nhận chuyển nhượng từ ông Tạ Văn N theo Giấy chuyển nhượng ngày 29/11/1996 chính là 16 thửa đất thuộc tờ bản đồ số 48, tại xã V mà ông Cao Văn D lập hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ năm 2002.

- Đối với nội dung khiếu nại UBND huyện V không cấp GCNQSDĐ phần diện tích 105.390m² ông Cao Văn D nhận chuyển nhượng tại GCNQSDĐ số C 0970044 của ông Tạ Văn N vào năm 1996, mà lấy đất này cấp cho 04 cá nhân khác (ông Nguyễn Khắc C, ông Nguyễn Xuân Đ, ông Nguyễn Văn P, ông Thái Văn D1):

Theo bản đồ địa chính năm 2002 của xã V thì Thửa 87 và Thửa 95, tờ bản đồ số 48 không thuộc Thửa 164, tờ bản đồ số 8, vùng dự án 327 trong GCNQSDĐ số C 0970044 của ông Tạ Văn N nên không có việc UBND huyện V lấy đất tại Thửa 164 để cấp cho ông Nguyễn Khắc C. Thửa 87 và Thửa 95 nằm trong 35ha đất ông Nguyễn Khắc C được giao vào ngày 08/5/1995, được thể hiện tại sổ mục kê năm 2002 (diện tích 66.501m^2) và ngày 03/6/2003 ông Nguyễn Khắc C được cấp GCNQSDĐ số X 626721 (Thửa 95), ngày 14/7/2003 được cấp GCNQSDĐ số X 434035 (Thửa 87). Theo hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ năm 2002, ông Cao Văn D khai nhận nhận chuyển nhượng Thửa 164 với diện tích 78.165m^2 nhưng ông đang sử dụng và xin cấp GCNQSDĐ đối với 81.283m^2 là lớn hơn so với đất ông được chuyển nhượng.

Đối với Thửa 208, tờ bản đồ số 05, vùng dự án 327 trong GCNQSDĐ số C 0970044 của ông Tạ Văn N: Căn cứ nội dung tại Giấy chuyển nhượng ngày 29/11/1996 giữa ông Tạ Văn N và ông Cao Văn D thì hai bên chỉ thỏa thuận chuyển nhượng phần đất nằm trong GCNQSDĐ của ông Tạ Văn N, không thỏa thuận rõ số diện tích đất chuyển nhượng là bao nhiêu, nằm ở thửa đất nào, trong khi GCNQSDĐ số C 0970044 ngày 16/5/1995 của UBND huyện V cấp cho ông Tạ Văn N có tổng diện tích là 105.390m² theo dự án 327 gồm: Thửa số 208, diện tích 27.225m² và Thửa số 164, diện tích 78.165m². Phần ghi chú phía sau Giấy chuyển nhượng chính là bổ sung, làm rõ hơn nội dung thỏa thuận chưa rõ ràng ở phía trước và ông Cao Văn D không canh tác, sử dụng gì đối với T1 208. Ông Tạ Văn N xác nhận tại Giấy xác nhận ngày 16/3/2022: Tại Giấy chuyển nhượng, phần chuyển nhượng là phần ghi chú *"tờ bản đồ số 8, thửa 164 và diện tích 78.165m²"* đến năm 2008 mới có thỏa thuận nhượng Thửa 208, đã lập hợp đồng chuyển nhượng nhưng ông Cao Văn D không đưa tiền nên ông Tạ Văn N không lên UBND xã để chứng thực. Như vậy, Thửa 208 ông Tạ Văn N chưa chuyển nhượng cho ông Cao Văn D và từ trước đến nay ông Cao Văn D cũng không quản lý, sử dụng diện tích nào liên quan đến Thửa 208.

Do đó, ông Cao Văn D cho rằng UBND huyện V lấy một phần đất tại Thửa 164 để cấp cho hộ ông Nguyễn Khắc C (Thửa 95 và Thửa 87, tờ bản đồ số 48) và lấy phần diện tích đất mà ông nhận chuyển nhượng của ông Tạ Văn N tại Thửa 208 để cấp cho hộ ông Nguyễn Xuân Đ, ông Nguyễn Văn P, ông Thái Văn D1 là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Đối với các nội dung yêu cầu: Buộc UBND huyện V phải giải quyết cho ông Cao Văn D được đăng ký biến động, cấp GCNQSDĐ của 16 thửa đất thuộc tờ bản đồ địa chính số 48, tại xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị. Buộc UBND huyện V thu hồi, hủy bỏ GCNQSDĐ số X 434035 và số X 636721 cấp cho ông Nguyễn Khắc C và bà Nguyễn Thị V; thu hồi, hủy bỏ các GCNQSDĐ số X 626728 cấp cho ông Nguyễn Xuân Đ và bà Hồ Thị H; GCNQSDĐ số X 626724 cấp cho ông Thái Văn D1 và bà Nguyễn Thị D2; GCNQSDĐ số AC 713928 cấp cho ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị Thu H2 ngày 19/10/2006:

Như phân tích ở phần [2.1], 16 thửa đất ông Cao Văn D xin cấp GCNQSDĐ mới chính là phần diện tích đất thuộc Thửa 164 ông Cao Văn D nhận chuyển nhượng của ông Tạ Văn N, phần diện tích đất cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Khắc C và bà Nguyễn Thị V không nằm trong Thửa 164. Đối với Thửa 208 vào năm 1996 ông Tạ Văn N không chuyển nhượng và ông Cao Văn D không sử dụng thửa đất này; phần diện tích Thửa 208 thực tế hiện nay do gia đình các ông Nguyễn Xuân Đ, ông Thái Văn D1, ông Nguyễn Văn P sử dụng nên yêu cầu khởi kiện của ông Cao Văn D là không có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu buộc UBND huyện V phải giải quyết cho ông Cao Văn D được đăng ký biến động, cấp GCNQSDĐ mới đối với phần đất có diện tích 105.390m², gồm 02 thửa là Thửa 164 và Thửa 208 mà ông Cao Văn D đã nhận chuyển nhượng từ ông Tạ Văn N theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 29/11/1996:

Xét thấy, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Tạ Văn N và ông Cao Văn D ngày 24/8/2008 có nội dung chuyển nhượng cả Thửa 164 và Thửa 208 nhưng hợp đồng chuyển nhượng chưa được UBND xã V chứng thực (đã vào sổ nhưng chưa ký và đóng dấu) là chưa được thực hiện theo đúng quy định tại khoản 1, 2 Điều 135 Nghị định số 181/CP năm 2004 và khoản 1 Điều 11 Nghị định số 84/CP năm 2007 của Chính phủ. Sau khi được hướng dẫn bổ sung hồ sơ nhưng ông Cao Văn D chưa thực hiện theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 82 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ nên UBND huyện V chưa thực hiện việc cấp GCNQSDĐ cho ông Cao Văn D là đúng quy định pháp luật.

[2.4] Đối với yêu cầu buộc UBND huyện V phải xử lý kỷ luật đối với những hành vi sai trái của cán bộ địa chính xã V và Chủ tịch UBND xã V trong các sai phạm liên quan đến việc cấp GCNQSDĐ đối với các hộ dân trong vụ án:

Yêu cầu khởi kiện này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân; lẽ ra Toà án cấp sơ thẩm cần đình chỉ giải quyết theo quy định tại điểm h khoản 1

Điều 143 Luật Tố tụng hành chính. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm đã quyết định bác yêu cầu khởi kiện này của ông Cao Văn D là không gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự khác trong vụ án nên không cần thiết phải sửa bản án sơ thẩm nhưng cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[3] Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy bản án sơ thẩm bác các yêu cầu khởi kiện của ông Cao Văn D là có cơ sở nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Cao Văn D, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

[5] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nhưng ông Cao Văn D là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Bác toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện ông Cao Văn D. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2024/HC-ST ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho người khởi kiện ông Cao Văn D.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.***Nơi nhận:***
- *TAND tối cao;*
- *VKSNDCC tại Đà Nẵng;*
- *TAND tỉnh Quảng Trị;*
- *VKSND tỉnh Quảng Trị;*
- *Cục THADS tỉnh Quảng Trị;*
- *Các đương sự (theo địa chỉ);*
- *Lưu HSVA, VPTA.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Dũng